

LÁ THƯ THẦY

Trong một buổi họp mặt thân hữu của Hội Cựu Sinh Viên QGHC đầu năm 2005 tại tiểu bang Victoria, chúng tôi được anh bạn LNC cho mượn cuốn sách có nhan đề LÁ THƯ THẦY. Theo lời anh thì đây là một trong những cuốn sách nói về Phật giáo rất hay và rất sâu. Anh em chúng tôi vẫn thỉnh thoảng có những buổi họp mặt như vậy, tuy không nhiều, nhưng thân thiết và vui vẻ. Theo với thời gian, những bất đồng ý kiến những mâu thuẫn dần dà bị đào thải và tình bạn, tình đồng môn ngày một khởi sắc hơn. Có lẽ vì không còn phải đối diện với những rắc rối liên hệ đến sinh hoạt cộng đồng cũng như không còn phải giải quyết những khúc mắc trong nội bộ nên chúng tôi dễ dàng thuận thảo với nhau hơn. Cũng có thể là vì đa số chúng tôi đều đã đi quá lần ranh mà người xưa gọi là “tri thiên mệnh” nên tâm tính đã thuần hóa rất nhiều. Sinh hoạt vì thế đã thu vào phạm vi thân hữu và hướng nhiều về các nhu cầu tinh thần. Như một xã hội thu nhỏ, hội cựu sinh viên QGHC bao gồm đầy đủ các chiều kích tâm linh của người Việt Nam: Phật Giáo, Công Giáo, Tin Lành, Hòa Hảo ...

Một số đồng anh chị em chúng tôi theo Phật giáo nên những lần hàn huyên như vậy thể nào cũng đề cập đến những ảnh hưởng của Phật giáo vào đời sống hằng ngày. Mỗi người một ý, mỗi người theo đuổi một phương pháp hành trì khác nhau nhưng những kinh nghiệm cá nhân này đều mang âm hưởng tích cực, và với chúng tôi, đây là điều thuận lợi và tốt đẹp. Tuy vậy, không phải ai ai cũng tiếp nhận hạt giống Phật pháp một cách suông sẽ dễ dàng. Dĩ nhiên là căn cơ mỗi người mỗi khác nhưng theo cảm quan riêng, chúng tôi thấy rằng cung cách thực hành Phật pháp trong đời sống hằng ngày của người Việt chúng ta không phải là không có những điểm tiêu cực. Vì Phật giáo đã thâm nhập vào tâm linh người Việt từ mấy ngàn năm qua nên theo với thời gian, bên cạnh vô số những đóng góp tích cực, những điểm tiêu cực cũng tăng trưởng khá nhiều.

Một trong những điểm tiêu cực của công cuộc hoằng dương chánh pháp là Phật giáo được phổ biến, diễn giảng bằng trí óc, bằng sự hiểu biết của tri thức hơn là sự cảm nhận bằng tâm hồn, bằng tình tự của con tim. Nói như vậy, chúng tôi không chủ trương rằng trí óc hay tri thức con người không phù hợp với phẩm chất siêu việt của Phật giáo. Nhưng con người chúng ta tự bản chất vốn là một sinh vật sống nhiều tình cảm và trái tim thường giữ vai trò chủ động hơn là trí óc (có lẽ quý bà đồng ý với chúng tôi về điểm này!). Đó là lý do tại sao những cảm thọ do tri thức thu nhập không sâu đậm bằng những ấn chứng của con tim và đây cũng là lý do khiến

chúng tôi giới thiệu tác phẩm LÁ THƯ THẦY cùng quý độc giả của đặc san Hương Đạo.

Đọc LÁ THƯ THẦY, độc giả sẽ nhận ra chủ đích của Viên Minh là đưa Phật pháp đến với mọi người qua cửa ngõ của trái tim chứ không phải khối óc. Viên Minh muốn mọi người “yêu” Phật pháp chứ đừng “hiểu” Phật pháp, “nâng niu” chứ đừng “tôn thờ” Đức Phật, “sống mỗi ngày” với Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo chứ không “thuộc lòng” những giáo pháp căn bản này. Từ khi được đưa lên ngôi vị cao nhất của văn học Việt Nam, truyện Kiều của Nguyễn Du đã được chú giải, phân tích, phê bình bởi vô số các nhà phê bình văn học nghệ thuật. Nhưng truyện Kiều có sống mãi trong lòng dân tộc vì những bài chú giải phân tích này không? Thưa không. Truyện Kiều sống trong mỗi người chúng ta vì đã khơi dậy những tình cảm tinh tế và sâu thẳm nhất trong tâm hồn người Việt. Viên Minh cũng vậy. Tác giả muốn giáo pháp của Đức Thế Tôn nằm ở ngực chứ không trong đầu mỗi người vì có như vậy, đạo Phật mới trường tồn được với thời gian như lời tâm sự của tác giả ở bìa sau của tác phẩm:

... Nhiều người tỏ ra lo ngại rằng mai đây Phật giáo sẽ không còn tồn tại. Riêng Thầy tin rằng chân lý sẽ luôn luôn hiện hữu bất cứ nơi đâu cho những ai có mắt để thấy, có tai để nghe và có tâm hồn để thể hội. Không có ranh giới cho kẻ giác ngộ. Họ có thể ở trong bất cứ hàng ngũ nào, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Lão giáo, Khổng giáo, Bà La Môn, Hồi giáo... hay không ở trong hàng ngũ tôn giáo, chính trị, phe phái nào cả. Kẻ nào có thể sống và thể nghiệm đời sống bằng chính sự trong sáng, chân thật trọn vẹn và an nhiên tự tại của mình là người ấy giác ngộ, là đi con đường Phật đạo...

Do tính thiếu nghiêm túc trong việc in ấn của tác phẩm nên chúng tôi không có được những chi tiết cần thiết về tác giả và tác phẩm để giới thiệu cùng quý độc giả ngoài hai điểm là cuốn sách được in tại Việt Nam vào năm 1993 và ở bìa sau có con dấu với giòng chữ “Sách gối đầu giường ở Long Thọ”. Nhân đây cũng xin quý độc giả nào có may mắn biết nhiều hơn chúng tôi về tác giả và tác phẩm này xin liên lạc về tòa soạn Hương Đạo để chia sẻ cùng đại chúng về Viên Minh, một người học Phật uyên thâm nhưng bình dị, đạt đạo và vẫn rất người:

*Tự do là ung dung trong ràng buộc
Hạnh phúc là tự tại giữa khổ đau*

Kỳ này, chúng tôi xin mạn phép tác giả Viên Minh để giới thiệu đến quý độc giả hai bài pháp thoại thứ 7 và 13 trong cuốn Lá Thư Thầy. Tất cả pháp thoại trong tác phẩm này được tác giả gửi gắm dưới hình thức những lá thư viết cho môn sinh hay pháp đệ nhằm thuyết giảng,

giải đáp những nghi vấn của đồ chúng. Tổng cộng có 25 lá thư.

Xin mời quý độc giả cùng thưởng thức.

Lá Thư Thứ 7

Ngày... tháng... năm

Con thương mến!

Tối hôm qua mẹ con và HT đem bức ảnh của con đến cho Thầy. Đó là lá thư thứ tư Thầy nhận được từ khi con đi. Đường như thư con không mất mà thư Thầy viết cho con thì thất lạc hết rồi.

Ảnh con chụp trông buồn quá. Buồn cũng phải nhưng con nhớ “phải tùy sở trụ xứ thường an lạc” mới được.

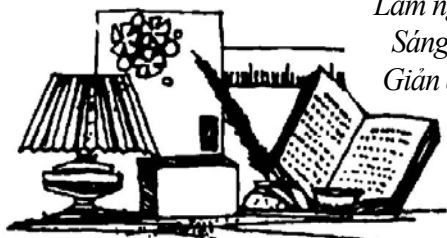
Ngày xưa khi con chưa biết đạo, có lẽ con đã nhập cuộc không một chút dè dặt. Nhưng ngày nay sau khi con biết đạo và đã chuẩn bị cho mình một hàng rào đạo đức thì có vẻ như con hơi lúng túng trước sự phức tạp của cuộc đời có phải thế không?

Con ạ, đó là hai cực đoan mà người ta thường vấp phải khi đối diện với cuộc đời. Nếu con tùy thuộc không một chút tỉnh thức thì con bị cuốn trôi trong giòng thác lũ của những ảo hóa trần gian. Nhưng nếu con quá cẩn thận e dè thì con sẽ bị bỏ rơi bên lề cuộc sống. Đáng thương thay cho những ai lặn hụp trong biển đời không tìm thấy đầu một phút giây tự tại. Cũng đáng thương thay cho những ai trang bị cho mình quá nhiều giá trị để chỉ đào thêm hố sâu ngăn cách với trần gian.

Vậy phải làm sao? Không phải làm sao cả. Mọi vấn đề chỉ giải quyết ngay chính nơi con mà không cần thêm bớt gì nữa. Con không cần phải tập luyện yoga, thiền định hay thái cực quyền tới một mức thâm hậu nào mới khả dĩ đối phó với đời. Bao lâu con còn cầu viện tới một sở đắc nào, một điều kiện nào, một trang bị nào, một kiến thức nào, thì con vẫn còn hướng ngoại cầu huyền, hay ít ra con vẫn còn bị nô lệ bởi những triền phược do chính những sở đắc ấy tạo nên.

Con sẽ phải đối phó với đời bằng “hai bàn tay trắng” hay bằng những gì con đã có sẵn mà thôi. Có lần Thầy đã nói với con:

*Học đạo quý vô tâm.
Làm nghề nói không làm.
Sáng, trong và lặng lẽ
Giản dị mới yên tâm.*



Vũ khí của con là sự giản dị. Giản dị thì không có vấn đề. Không có vấn đề thì con sáng suốt, trong lành và tỉnh lặng. Có như thế con mới hành động, nói năng, suy nghĩ thích ứng và hồn nhiên.

Thăng, trầm, động, tịnh, khổ, vui... đều hồn nhiên trong sáng tức là tự tại, là vô tâm, là giải đất bình an muôn đời ở nơi con.

Con thương mến!

Viết đến đây, Thầy nhớ trong con có nói: “Trở về quê hương là việc quá xa vời mà trở về quê hương của Phật còn gian khó vô vàn”. Nhưng nếu con nhận ra rằng quê hương nào cũng ở chính nơi con thì có lẽ con sẽ thốt lên câu: “Nhiên khứ lai hề thiên thu giả mộng” như Thầy vậy.

Chắc con đã có lần đọc bài thơ: “Thiên đế nguyệt” của Thầy mà không để ý. Nhân đây Thầy chép lại và dịch cho con nghe ý của bài thơ đó:

*“Viễn viễn phong đầu phi.
Vong xứ điều vô quy.
Hốt phùng thiên đế nguyệt.
Quy hà, quy hà vi”.*

Hai câu đầu Thầy tả một con chim mất xứ sở (vong xứ điều) đang bay càng lúc càng xa (viễn viễn) trước ngọn gió cuốn đi vô định (phong đầu phi) chẳng biết nơi nào là chốn quê nhà thì làm sao tìm được lối về (vô quy).

Câu thứ ba là đột biến cả cuộc đời giữa khi con chim cô đơn mất hướng đang bay vào chân trời vô định, giữa lúc “Thuyền tâm lạc giữa trận tiền phong ba” thì bỗng gặp một mảnh trăng vàng viên minh chiếu diệu, lòng lộng bên trời (hốt phùng thiên đế nguyệt) thì ra:

*“Quê hương vẫn là đây.
Trăng vẫn mảnh trăng này.
Ngàn sau ngàn sau nữa.
Lòng lộng giữa trời mây”.*

Và câu thứ tư, từ khi con chim bỗng gặp “Thiên đế nguyệt” thì không còn vấn đề bay về nữa. Đâu cũng là quê hương, đâu cũng là viễn xứ thì về đâu? Về làm gì? (quy hà quy hà vi!)

“Hốt phùng thiên đế nguyệt” là một cách nói thú vị thay cho thuật ngữ: “Hốt nhiên đại ngộ” hay “Kiến tánh thành Phật” của nhà Thiền. Cũng như ngộ, thiên đế nguyệt không thể tìm thấy ở bất cứ chân trời góc biển nào, mà chỉ tìm thấy ngay nơi chính mình, nơi mà nó vẫn muôn đời chiếu diệu.

Hể ngay đây và bây giờ con không có vấn đề gì với thực tại (còn cái đang là) tức là con thấy tánh, là hốt phùng

thiên đê nguyệt. Niết bàn không xa, chỉ tiếc là người ta cứ mãi, cố gắng đi xa Niết Bàn.

Quê hương của Phật là nơi gần con nhất, sao con lại phải về đâu nữa để rồi tự thấy khó khăn trở ngại.

Khi Đức Phật dạy: “Chớ có buông lung trí tuệ, Hãy hộ trì chân đế, Hãy làm cho sung mãn huệ xả, Hãy tu học tịch tịnh” là Ngài muốn dạy chúng ta không nên vọng động hướng ngoại cầu huyền, không nên tìm kiếm bất cứ cái gì ở ngoài, chỉ nên thấy các pháp như thật (chân đế), không có vấn đề gì (sung mãn huệ xả), tức nhiên tâm ta sẽ điềm đạm hư vô và trong sáng (tu học tịch tịnh).

Nói thì rắc rối nhưng sự thật còn giản dị hơn nhiều, con phải tự chứng nghiệm sự thật giản dị ấy. Thầy không có cách nào nói nhiều hơn được.

Hiện nay Thầy đang hoàn thành tập “Vi Tiểu” gồm 110 câu chuyện. HT sẽ chép dần cho con đọc, sẽ bổ ích hơn là giảng giải rườm rà.

Thầy ngừng bút và chúc con tự tại vô ngại trong mọi hoàn cảnh.

Thầy

(Viên Minh & Nguyên Dục)

Giả có

Sáu mươi năm giả có
Do nhân duyên tạo thành
Giả có tức là không
Giả không tức là có
Hữu vi thì hữu hoại
Hữu sinh thì hữu diệt
Chốn cũ lại như như
Quê xưa hoa sen nở.

Từ Quang



THOÁT VÒNG OAN NGHIỆT

Phra Peter Pannapadipo

Nguyên Dục chuyển ngữ

Phụ chú của người dịch về tác giả và tác phẩm:

- Tác giả: Tên thế tục là Peter Robinson, xuất thân là một doanh gia thành đạt ở Luân Đôn. Ông giả từ mọi thứ để trở thành một tu sĩ Phật giáo vào năm 45 tuổi với pháp danh **Phra Pananpadipo**. Người ta thường nói đường đời vốn gian nan nhưng Peter được biết thêm là đường tu cũng không bằng phẳng. Sau 10 năm thực hành Phật pháp tại xứ lạ quê người, Peter nhận ra rằng để thực hành hạnh cứu khổ của Bồ tát đạo, ông phải hy sinh bằng cách cời áo nhà tu – ông thành lập Students' Education Trust - SET (tạm dịch là Quỹ Tương Trợ Giáo Dục Sinh Viên) ở Thái Lan để giúp học sinh nghèo cùng các tu sĩ không đủ phương tiện học cao hơn. Bằng một giọng văn hóm hỉnh đầy từ ái nhưng rất tự tin, ông kể lại những mẫu đời bi đát của các trẻ em mà SET đã giúp đỡ nên người.

- Tác phẩm: **Little Angels - Những Thiên Thần Bé Nhỏ** là một cuốn sách khổ nhỏ (110 x 120 mm) gồm 312 trang, kể lại đời thật của 12 chú tiểu - chuyện do chính các đương sự kể lại và được Peter chuyển sang Anh ngữ. Tất cả đều xuất thân từ tận cùng của nghèo nàn, lạc hậu. Họ đến với Phật pháp không vì có căn tu hay thích đời sống Sa Di mà vì đó là cơ hội duy nhất để có cơm ăn áo mặc khi họ hoàn toàn tuyệt vọng. Điều đáng buồn là không phải chỉ có 12 chú tiểu này mà gần như đại đa số Sa Di ở Thái đều ở trong một hoàn cảnh tương tự. Họ thợ giới chi vì không đủ sức học hành, không nơi nương tựa. Và hậu quả không tránh được là đại đa số cời áo nhà tu sau khi đạt được mảnh bằng trung học.

Trong phần mở đầu, tác giả cho biết theo thống kê, năm 2000 ở Thái có 97,875 Sa Di. Năm năm trước đó, con số Sa Di là 87,686. Nhìn qua, độc giả chắc sẽ mừng rỡ vì nghĩ rằng đạo Phật ngày càng phát triển ở Thái. Nhưng sự thật phủ phàng và cay đắng hơn nhiều. Nó phản ánh một tình trạng suy sụp về kinh tế của đa số dân chúng nông thôn, đặc biệt là miền Bắc nước Thái. Nó cũng nói lên sự thất bại của các chính sách quốc gia trong công tác xây dựng một nông thôn phú cường và lành mạnh cho người dân.

Cũng có một số nhỏ (rất nhỏ) các chú tiểu này trở thành tu sĩ thật sự, họ đã tìm được con đường giác ngộ và họ tiếp tục hành trì.

Xuất thân là một doanh nghiệp và lớn lên trong một đất nước giàu mạnh, tác giả không thể nào chịu đựng nổi trước những bất hạnh và thống khổ của đa số trẻ con miền quê nước Thái. Đối với ông, sự nghèo đói quá độ là không xứng đáng với phẩm cách một con người cho nên tác giả quyết định phải làm một cái gì đó để giúp đỡ các trẻ em bất hạnh này. Do giới luật cấm giữ gìn tiền bạc và của cải nên từ

kheo Phra Pannapadipo đã phải tạm thời hoàn tục để theo đuổi ước nguyện giúp đỡ trẻ em nghèo của mình bằng cách thiết lập S.E.T.

Như tác giả nói, dù không phải ai được SET tài trợ đều đi theo con đường tu tập. Một số đông hoàn tục sau khi thành tài. Nhưng như vậy cũng đã phần nào làm tác giả mãn nguyện. Ít ra ông cũng cứu vớt họ ra khỏi ngục tù nghèo đói lạc hậu để có thể sống một đời sống xứng đáng với phẩm hạnh con người.

Một chi tiết đặc biệt mà chúng tôi muốn đề cập ở đây là hoạt động xã hội của Phật giáo tại Thái Lan. Mặc dù hàng ngàn trẻ Thái Lan trở thành Sa Di chỉ vì muốn có cơm ăn áo mặc và để học lên trung học chứ không phải vì muốn trở thành tu sĩ, Phật giáo Thái vẫn mở rộng cửa từ bi với tấm lòng bi mẫn vô bờ. Từ khi thành hình vào năm 1994 cho đến nay, SET đã trợ cấp cho hơn 1000 sinh viên/tu sĩ lấy cấp bằng đại học, và hoạt động của cơ sở này ngày càng nói rộng tại Thái. Độc giả nào muốn góp một bàn tay vào công cuộc này xin liên lạc địa chỉ sau đây:

Peter S. Robinson, Director.

The Students' Education Trust.

Academic Resource Centre, Rajabhat University.

Sawamwithi Road, Amphur Muang.

Nakhon Sawan 6000, Thailand.

Hoặc điện thư: SET_THAI@hotmail.com

Website: www.thaistudentcharity.org.

Giờ đây, thân mời quý độc giả theo dõi tuyển truyện thứ 10 trong cuốn "NHỮNG THIÊN THẦN BÉ NHỎ" của đại đức Phra Peter Pananpadipo nói về chú tiểu Maha Sorasing.

--ooOoo--

Nếu phải chọn một từ để diễn tả thời thơ ấu của tôi, thì tôi cho rằng "Quyết tâm" là tiếng đúng nhất. Không phải là quyết tâm của tôi - điều này xảy ra sau khi tôi đã khôn lớn - mà là quyết tâm của mẹ tôi để cho tôi có cơ hội làm một cái gì đó cho tương lai đời mình. Không có sự quyết tâm bền bỉ và lòng hy sinh vô bờ của mẹ thì chắc tôi đã không có gì để đạt đến trong đời. Thay vào đó, tôi sẽ bị vây hãm trong vòng nghèo đói và tuyệt vọng, cái vòng oan nghiệt đã có không biết từ bao giờ và có vẻ như không có lối thoát ở tương lai. Tệ hơn nữa, không phải chỉ có tôi không ra khỏi nỗi oan khiên đó, mà rồi ra, con tôi rồi cháu tôi cũng không có hy vọng gì.

Tôi là con một và được sinh ra trong cái chòi rách nát bản thiu ở một ngôi làng nhỏ miền Bắc Thái Lan. Lúc ba mẹ tôi lấy nhau, họ không có tiền bạc, không có chỗ ở và căn chòi trống trải dơ dáy này là chỗ nương thân của họ. Trong làng tôi, nếu có hai cái vách gần nhau và mấy miếng tôn phía trên để che mưa nắng thì người ta có thể gọi là cái nhà rồi. Cái chòi của chúng tôi không có điện không có nước và không có cả chỗ đi tiêu đi tiểu. Từ khi tôi đủ sức xách một thùng nước thì công việc thường xuyên của tôi là đi lấy nước từ một vòi nước cách nhà khá

xa để cho cả nhà dùng. Chúng tôi nghèo mạt rệp nhưng điều đó không làm cho chúng tôi xấu hổ, nó có vẻ như là chuyện tự nhiên và rất nhiều gia đình trong làng cũng nghèo không kém gì chúng tôi, có khi còn tệ hơn nữa. Theo tôi thì cả làng đều nghèo đói và nếu nói người nào đó có tiền thì họ phải là dân bán ma túy.

Làng tôi thuộc tỉnh Uttaradit gần giáp giới với Lào nên chuyên vận ma túy rất phổ biến và thuận tiện. Nhiều đứa trẻ cùng trang lứa với tôi biết đến ma túy từ khi xong cấp tiểu học. Làng chỉ độ 500 người và theo đà phát triển của các xã kế cận, dần dà làng tôi bị sát nhập thành một quận của một tỉnh nhỏ với độ 2000 nóc gia và 5000 dân cư. Một đặc điểm là làng gồm toàn người già và trẻ con. Người già thì không di chuyển nhưng trẻ con sau khi xong tiểu học thường chỉ có một số ít học lên trung học còn phần lớn đi Bangkok hay các tỉnh lớn để kiếm việc. Vì không có học vấn nên đa số kiếm sống tại các hăng thầu xây cất hay các nghề lao động chân tay khác. Người miền Bắc chúng tôi có ngoại diện hấp dẫn và da trắng hơn người Thái chính thống nên một số lớn, cả trai lẫn gái, bị cuốn hút vào cái mà người ta gọi là "kỹ nghệ giải trí" như phòng trà, nhà tắm hơi... Đối với thành phần này, tôi không nghĩ là họ thích những công việc đó nhưng vì không học vấn nên đây là phương cách kiếm tiền dễ dàng hơn là những công việc chính thức. Những vấn đề như sức khỏe và luân lý đành phải gạt sang một bên vì sự sống mỗi ngày cũng như nhu cầu giúp đỡ gia đình trở nên quá cần thiết. Dù kiếm sống bằng cách nào thì một khi đã ra khỏi làng, ít khi họ trở lại dù vẫn đều đặn gửi tiền về để giúp đỡ gia đình. Một điều đặc biệt nữa là dù sống bằng nghề nông, đa số dân làng có rất ít đất để canh tác, ít đến nỗi không đủ nuôi sống gia đình cho nên hầu như ai cũng phải nhờ vào sự giúp đỡ của con cái.

Cha tôi có một mảnh ruộng nhỏ xíu và thường trồng hành lá. Lợi tức kiếm được từ việc bán hành chỉ đủ sống vài ngày trong tuần nên cha tôi phải đi làm các công việc vặt khác để kiếm thêm tiền. Nhưng những người khác thì cũng chẳng khá gì hơn cha tôi nên ông thường chỉ kiếm được khoảng 20 baht mỗi ngày. Tệ hơn nữa là không phải ngày nào cha tôi cũng có việc làm cho nên gia đình chúng tôi sống theo kiểu giạt gấu và vai tực là tay có làm thì hàm mới có nhai. Chúng tôi ăn bất cứ thứ gì có thể ăn được, từ cây trái cho đến côn trùng. Chuột đồng là thứ sơn hào hải vị của chúng tôi vì ai cũng thích bắt nên chúng trở nên hiếm hoi. Chuột nhà thì chúng tôi không ăn vì sợ bệnh.

Mẹ tôi mập mạp hơn những người Thái bình thường, không phải vì bà ăn nhiều (có đâu mà ăn!) nhưng vì bị bệnh hạn khá lâu nên thuốc làm cho mập. Cha tôi thì nhỏ con và ốm yếu nên nếu cãi và xảy ra thì cha tôi thường nhận phần thiệt. Cha mẹ tôi cãi nhau hàng ngày và ngay

từ lúc tôi còn tấm bé, tôi đã nhận biết rằng họ không thích sống chung với nhau. Tôi cho rằng hai người đã yêu thương nhau lúc ban đầu nhưng vì cuộc sống qua khắc nghiệt nên tình nghĩa phai pha rất nhanh theo năm tháng. Nghèo nàn luôn luôn hiện hữu và là đầu mối của vấn nạn trong gia đình khiến cha mẹ tôi lúc nào cũng gầy gò, rồi người nọ đổ lỗi cho người kia về tình trạng bi đát của đời sống.

Ngày lúc còn rất bé, dù không hiểu hai người cãi nhau về chuyện gì nhưng tôi thường im lặng đứng về phía mẹ. Tôi nghĩ rằng như vậy không công bằng đối với cha tôi nhưng tôi thương mẹ quá sức. Bà cũng thương tôi với tất cả tình mẫu tử vô bờ nên làm như tôi và mẹ nương tựa vào nhau và tôi có cảm tưởng như bà kéo dài kiếp sống thương đau chỉ vì muốn nuôi tôi khôn lớn. Không có tôi có lẽ bà đã bỏ cuộc như cha tôi đã làm. Có lần mẹ tôi nói sự nghèo đói giống như một căn bệnh di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác nên bà quyết tâm giúp tôi ra khỏi lòng lẩn quẩn đó. Bà nói rằng, căn bệnh nghèo đói di truyền này đã làm cuộc sống của bà không đáng sống nên bà không muốn truyền lại cho tôi. Bà quyết tâm giúp tôi vượt ra khỏi vòng oan nghiệt vì bà không muốn tôi lớn lên giống những đứa trẻ khác trong làng và hơn nữa, bà không muốn tôi sống giống cha tôi.

Tôi không hiểu tại sao một số đông người Thái thường nghĩ rằng người nghèo là những người xấu. Họ thường khinh bỉ người nghèo chỉ vì những người này không có tiền bạc và học vấn.

Tôi nghĩ rằng quan niệm này không đúng đặc biệt là trong trường hợp mẹ tôi. Dù hoàn toàn thất học, mẹ tôi đã dạy tôi ngay từ khi còn rất bé về điều thiện và những giới hạnh tốt đẹp của Phật pháp tuy rằng bà không biết đó là những giáo lý căn bản của Phật giáo. Tôi không biết bà có được nghe về ngũ giới trong đời sống của Phật tử tại gia hay không nhưng tôi chắc chắn rằng bà không cần học vì những giới răn này đã nằm trong tâm cảm của bà dù bà không biết đó là ngũ giới của Phật giáo. Mãi về sau khi tôi lớn lên và trở thành chú tiểu tôi mới nhận ra là những lời dạy của mẹ tôi không khác gì với ngũ giới của nhà Phật. Mẹ tôi là một người đàn bà trung hậu với tất cả những ý nghĩa trung thực và tự nhiên của ngũ giới.

Tôi không dám quyết đoán về tình cảm lúc thơ ấu của tôi đối với cha tôi. Tôi nghĩ rằng tôi thương cha tôi như bất cứ đứa trẻ bình thường nào khác. Có điều là tình thương này không có cơ hội phát triển và trưởng thành vì những biến cố về sau. Và tôi biết rõ là tôi không có dịp để tìm hiểu về cha tôi cho đến khi tôi có cơ hội và phương tiện thì đã quá trễ. Điều đáng buồn là những cảm tình không mấy nồng nàn đó đã biến mất khi cha tôi bỏ đi vào lúc tôi mới 9 tuổi. Thật là bất công nếu gọi cha tôi là một người xấu dù

ông ta khá lười biếng và lãnh đạm với mẹ con tôi nhưng ngược lại, ông ta không rượu chè, hút xách và chẳng bao giờ đánh mẹ con tôi. Không phải vì tôi là một đứa trẻ quá đáng yêu nên không bị đánh mà thực ra vì ông ấy quá lãnh đạm đến độ không thèm để ý đến tôi. Ngoài ra mẹ tôi cũng không để cho ông ấy động đến tôi ngay khi tôi có làm điều gì quấy. Có thể cha tôi cũng đã cố gắng xây dựng một mái ấm gia đình nhưng vì hoàn cảnh, vì khởi đầu bằng một con số không to lớn nên không dễ gì làm được điều mình muốn. Thất vọng và buồn rầu thường khiến người ta sinh ra lãnh đạm, thờ ơ. Cha mẹ tôi đều xuất thân giống như tôi. Nếu không phải là con mồ côi thì cũng bị ruồng bỏ lúc còn bé nên khi gặp nhau họ chỉ có 2 bàn tay trắng, không có học thức, không có cơ hội và do đó không có gì chờ đợi họ ở tương lai.

Vì được sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh khốn cùng như vậy nên cha tôi không có ước vọng, sống ngày nào hay ngày đó và ngày mai hay tương lai đối với cha tôi không phải là một hy vọng mà là một lo sợ, một buồn phiền. Mẹ tôi cho rằng cha tôi không cố gắng đúng mức trong việc nuôi dưỡng cho tôi nên người và bà đã thay chồng làm công việc đó đối với tương lai của tôi.

Tuy thiên miên nghèo đói nhưng tôi là một đứa trẻ vui vẻ và nghịch ngợm. Từ lúc nhỏ cho đến lúc cha tôi bỏ đi, tôi không gây nhiều phiền hà cho cha mẹ. Tôi chơi đùa với bạn bè, nghịch phá theo bản chất tự nhiên của trẻ con nhưng không làm gì quá đáng. Làng tôi được bao bọc chung quanh bởi nhiều đồi núi, sông ngòi, khung cảnh rất đẹp nên chúng tôi ít khi bị buồn chán. Không đủ thời giờ để chơi đùa là khác.

Nhớ lúc đầu tiên bước chân vào trường tiểu học, tôi rất phấn khởi về những ước vọng tương lai và tôi thích thú với việc học ngay từ đầu. Tất cả các môn học đều mới lạ và chúng làm tôi thích thú, đặc biệt là học tiếng Thái (dân làng tôi nói tiếng địa phương với nhiều ảnh hưởng của tiếng Lào và có tên là thổ ngữ Kammuang). Tôi thích học đến nỗi nhiên khi từ chối chơi đùa với bạn bè và chỉ mong đến trường. Những ngày học ở trường đối với tôi quá ngắn, không đủ! Ở nhà cũng vậy, tôi đọc đến khi không đủ ánh sáng để đọc vì ngọn đèn cây trong nhà quá yếu và sau đó đem khoe với mẹ về những điều vừa học hỏi được. Điểm xếp hạng của tôi lúc nào cũng cao về tất cả các môn và mẹ tôi sung sướng lắm về chuyện này. Bà không ngừng khuyến khích tôi trong việc học. Lúc đó, ước vọng của tôi là trở thành một giáo viên sáng đi chiêu về. Nghe có vẻ tầm thường và hơi ngây ngô, phải không?

Nhưng ước vọng đó chưa bao giờ rời xa tôi trong suốt cuộc đời.

(Còn tiếp)